

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**



MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 8 - 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|---|
| Ông Ngô Hồng Minh | Chủ tịch Công ty |
| Ông Nguyễn Trung Tri | Ủy viên |
| Ông Bùi Minh Chính | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Quốc Hưng | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013) |
| Ông Trần Hữu Giang | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013) |
| Ông Lê Vũ Hùng | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013) |
| Ông Lê Vũ Hoàng | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|---|
| Ông Bùi Minh Chính | Giám đốc |
| Ông Trần Hữu Giang | Phó Giám đốc |
| Ông Lê Lân | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Tuấn | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2013) |
| Ông Lê Việt Hoài | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2013) |
| Ông Nguyễn Duy Thạch | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2013) |
| Ông Vũ Duy Hạnh | Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Minh Chính
Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Số: 148 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu Khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013, từ trang 4 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2013 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến các vấn đề nêu ở các đoạn bên dưới và báo cáo soát xét phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2012 nêu ý kiến chấp nhận toàn bộ.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu ở đoạn trên, trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2013 cho báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, công ty kiểm toán tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến các vấn đề sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng với các công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG), Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-MT), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghệ & Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) với số tiền tổng cộng là 30.048.782.884 đồng chưa được đối chiếu xác nhận nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã hạch toán bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và nợ phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền 18.927.755.598 đồng nhưng chưa có biên bản bù trừ công nợ ba bên.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 các vấn đề nêu trên vẫn chưa được đối chiếu và xử lý, theo đó ý kiến ngoại trừ nêu trên vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Từ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 8 năm 2013
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1204-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 397.854.483.743 | 1.197.372.518.596 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 57.366.760.429 | 189.237.578.866 |
| 1. Tiền | 111 | | 3.035.136.206 | 67.015.589.663 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 54.331.624.223 | 122.221.989.203 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 276.891.771.381 | 341.807.857.961 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 222.251.961.390 | 295.252.927.565 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 6.804.710.629 | 5.620.130.516 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 135 | 6 | 47.835.099.362 | 40.934.799.880 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 7 | 38.779.600.606 | 625.966.162.862 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 38.779.600.606 | 625.966.162.862 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.816.351.327 | 40.360.918.907 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 6.458.988.361 | 22.065.381.227 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | 8 | 17.080.431.146 | 17.112.390.704 |
| 3. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.276.931.820 | 1.183.146.976 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 1.414.977.604.835 | 1.089.581.626.304 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 147.575.609.552 | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 147.575.609.552 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 278.037.336.061 | 258.864.623.816 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 9 | 96.084.747.304 | 24.355.540.754 |
| - Nguyên giá | 222 | | 107.055.994.627 | 35.941.373.111 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (10.971.247.323) | (11.585.832.357) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 10 | 22.837.353.376 | 75.535.580.405 |
| - Nguyên giá | 228 | | 23.331.922.825 | 75.723.216.494 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (494.569.449) | (187.636.089) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 11 | 159.115.235.381 | 158.973.502.657 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | 12 | 219.862.589.920 | 55.434.993.474 |
| - Nguyên giá | 241 | | 223.941.930.874 | 56.924.711.439 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | (4.079.340.954) | (1.489.717.965) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 13 | 769.014.077.801 | 770.409.862.117 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 708.217.000.000 | 708.217.000.000 |
| 2. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 71.165.290.000 | 71.165.290.000 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | (10.368.212.199) | (8.972.427.883) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 487.991.501 | 4.872.146.897 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 363.791.501 | 4.752.146.897 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 124.200.000 | 120.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.812.832.088.578 | 2.286.954.144.900 |

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

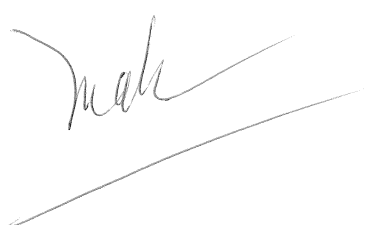
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 832.812.539.372 | 1.263.189.102.897 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 524.017.345.595 | 995.761.373.322 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14 | 121.673.654.480 | 275.078.054.949 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 69.253.001.754 | 70.665.997.372 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 5.854.912.885 | 183.110.985.191 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 15 | 47.320.533.471 | 34.735.522.106 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 1.000.557.547 | 910.380.409 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 16 | 90.146.265.220 | 97.827.844.042 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 17 | 187.789.099.005 | 332.325.785.397 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 979.321.233 | 1.106.803.856 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 308.795.193.777 | 267.427.729.575 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 2.202.742.877 | 2.835.278.675 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 334 | 18 | 306.592.450.900 | 264.592.450.900 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400= 410) | 400 | | 980.019.549.206 | 1.023.765.042.003 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 980.019.549.206 | 1.023.765.042.003 |
| 1. Vốn điều lệ | 411 | | 1.000.000.000.000 | 1.000.000.000.000 |
| 2. Cổ phiếu quỹ | 414 | | (7.866.485.920) | (7.866.485.920) |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 11.729.462.313 | 11.729.462.313 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 11.729.462.313 | 11.729.462.313 |
| 5.(Lỗ) / Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối | 420 | | (35.572.889.500) | 8.172.603.297 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 1.812.832.088.578 | 2.286.954.144.900 |



Người lập biểu
Phạm Thúy Nga



Kế toán trưởng
Vũ Thị Kim Ngân



Giám đốc
Bùi Minh Chính

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

Số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

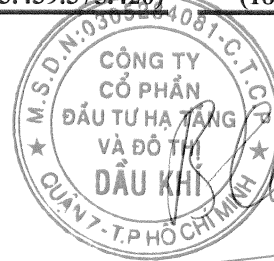
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2013 | Từ 01/01/2012 |
|---|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | đến 30/6/2013 | đến 30/6/2012 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 20 | 454.806.745.628 | 192.649.197.007 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 20 | 15.590.815.874 | 43.039.665.660 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 20 | 439.215.929.754 | 149.609.531.347 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 21 | 412.962.293.773 | 149.098.873.638 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp | 20 | | 26.253.635.981 | 510.657.709 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 22 | 3.686.135.006 | 2.157.173.058 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 23 | 41.547.931.975 | 15.666.427.120 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 40.152.147.659 | 12.761.428.375 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 3.518.187.650 | 949.541.550 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 8.845.307.890 | 13.025.026.131 |
| 10. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | (23.971.656.528) | (26.973.164.034) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 3.417.525.364 | 9.744.281.325 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 22.885.244.256 | 1.645.988.876 |
| 13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 24 | (19.467.718.892) | 8.098.292.449 |
| 14. Lỗ trước thuế (50=30+40) | 50 | | (43.439.375.420) | (18.874.871.585) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 25 | - | - |
| 16. Lỗ sau thuế | 60 | | (43.439.375.420) | (18.874.871.585) |



Người lập biểu
Phạm Thúy Nga



Kế toán trưởng
Vũ Thị Kim Ngân



Giám đốc
Bùi Minh Chính
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍSố 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 |
|--|-------|---------------------------------|---------------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lỗ trước thuế | 01 | (43.439.375.420) | (18.874.871.585) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 7.498.590.405 | 2.190.040.737 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 1.395.784.316 | 6.297.686.240 |
| Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | 15.837.485.872 | (2.157.173.058) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 40.152.147.659 | 12.761.428.375 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 21.444.632.832 | 217.110.709 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (82.308.448.882) | (80.578.454.731) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | 246.959.629.293 | 108.303.787.438 |
| Biến động các khoản phải trả | 11 | (330.869.571.594) | (54.541.535.049) |
| Biến động chi phí trả trước và tài sản khác | 12 | 20.014.862.189 | 1.222.562.215 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (21.655.653.501) | (7.806.241.372) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 488.545.364 | 637.348.159 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (6.877.842.997) | (1.985.790.706) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (152.803.847.296) | (34.531.213.337) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua, xây dựng tài sản cố định | 21 | (481.726.224) | (1.865.615.637) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 130.000.000.000 | - |
| 3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | 11.984.160.000 |
| 4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.846.515.552 | 153.001.480 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 132.364.789.328 | 10.271.545.843 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | - | 130.260.149.095 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (111.404.400.469) | (62.106.669.896) |
| 3. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (27.360.000) | (1.235.047.300) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (111.431.760.469) | 66.918.431.899 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | (131.870.818.437) | 42.658.764.405 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 189.237.578.866 | 13.824.130.781 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 57.366.760.429 | 56.482.895.186 |

Tiền lãi vay đã trả không bao gồm số tiền 49.212.497.261 đồng (cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 8.510.643.540 đồng) là chi phí lãi vay còn phải trả cho ngân hàng. Tuy nhiên, tiền lãi vay trả trong kỳ bao gồm một phần của số tiền 34.055.895.389 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9.330.945.915 đồng) là chi phí lãi vay của kỳ trước thanh toán trong kỳ này.

Người lập biểu
Phạm Thúy Nga

Kế toán trưởng
Vũ Thị Kim Ngân

Giám đốc
Bùi Minh Chính

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 127 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 117 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 12 Tân Trào, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một chi nhánh để quản lý bất động sản, vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi nhánh được đặt tại cùng tòa nhà trên.

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Quyền sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty cùng với tình hình góp vốn điều lệ vào các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được trình bày ở Thuyết minh số 13 bên dưới.

Hoạt động chính

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư, tư vấn giám sát;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Dịch vụ quản lý và khai thác bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của riêng Công ty; vì vậy Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với các khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược và đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho thể hiện chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, chi phí lãi vay, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | Số năm |
|--------------------------|---------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Phương tiện vận tải | 04 - 08 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 05 |
| Tài sản khác | 04 |

Thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị sổ sách của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|--------------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 431.071.766 | 195.609.920 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.604.064.440 | 66.819.979.743 |
| Các khoản tương đương tiền (i) | 54.331.624.223 | 122.221.989.203 |
| | 57.366.760.429 | 189.237.578.866 |

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất là 9%-10%/năm (năm 2012: 12%-14%).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 30/6/2013 | 31/12/2012 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long | 6.025.000.000 | 400.000.000 |
| Công ty TNHH Bệnh Viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh | 6.501.120.000 | 6.501.120.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 200.253.493 | 133.502.329 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí | 134.276.432 | 112.811.432 |
| Phải thu tiền lãi phạt do chậm tiến độ, chậm thanh toán và thanh lý hợp đồng | 32.855.093.924 | 32.855.093.924 |
| - Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY | 2.806.311.040 | 2.806.311.040 |
| - Công ty Cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC-MT) * | 8.407.199.010 | 8.407.199.010 |
| - Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp & Dân dụng Dầu khí (PVC-IC) * | 7.319.843.471 | 7.319.843.471 |
| - Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) * | 5.371.985.341 | 5.371.985.341 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) * | 8.949.755.062 | 8.949.755.062 |
| Trích trước lãi phải thu | 1.472.818.077 | 550.183.197 |
| Phải thu khác | 646.537.436 | 382.088.998 |
| | 47.835.099.362 | 40.934.799.880 |

* Các khoản phải thu lãi phạt do chậm tiến độ này vẫn chưa được xác nhận nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|---|------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 83.995.986 | 81.759.875 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.671.201 | 1.671.201 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 38.693.933.419 | 625.882.731.786 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Dự án chung cư Petroland Quận 2</i> | <i>28.246.429.107</i> | <i>242.931.783.112</i> |
| <i>Dự án Trung tâm Thương mại Dầu khí Phú Mỹ Hưng</i> | <i>-</i> | <i>372.077.246.332</i> |
| <i>Các công trình tư vấn quản lý dự án</i> | <i>10.447.504.312</i> | <i>10.873.702.342</i> |
| | <u>38.779.600.606</u> | <u>625.966.162.862</u> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| | <u>38.779.600.606</u> | <u>625.966.162.862</u> |

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.080.431.146 | 17.080.431.146 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 31.959.558 |
| | <u>17.080.431.146</u> | <u>17.112.390.704</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐỒ THỊ DẦU KHÍ

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU B 09-DN****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tài sản cố định khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 24.576.551.068 | 29.112.227 | 4.986.968.802 | 6.078.741.014 | 270.000.000 | 35.941.373.111 |
| Mua trong năm | 94.356.799.264 | - | - | 54.000.000 | - | 54.000.000 |
| Tăng từ hàng tồn kho | - | - | - | - | - | 94.356.799.264 |
| Tăng từ xây dựng cơ bản | - | - | - | - | 285.993.500 | 285.993.500 |
| Giảm do chuyển nhượng tòa nhà | (21.516.549.286) | - | - | (1.277.153.241) | - | (22.793.702.527) |
| Trương Định | (14.532.000) | (29.112.227) | - | (744.824.494) | - | (788.468.721) |
| Giảm khác | 97.402.269.046 | - | 4.986.968.802 | 4.110.763.279 | 555.993.500 | 107.055.994.627 |
| Tại ngày 30/6/2013 | | | | | | |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 3.925.794.071 | 10.167.526 | 3.293.959.766 | 4.249.035.994 | 106.875.000 | 11.585.832.357 |
| Khấu hao trong kỳ | 2.142.136.136 | 3.354.238 | 415.580.742 | 516.660.827 | 34.584.148 | 3.112.316.091 |
| Giảm do chuyển nhượng tòa nhà | (1.966.016.991) | - | - | (1.058.554.626) | - | (3.024.571.617) |
| Trương Định | (1.453.200) | (13.521.764) | - | (687.354.544) | - | (702.329.508) |
| Giảm khác | 4.100.460.016 | - | 3.709.540.508 | 3.019.787.651 | 141.459.148 | 10.971.247.323 |
| Tại ngày 30/6/2013 | | | | | | |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày 30/6/2013 | 93.301.809.030 | - | 1.277.428.294 | 1.090.975.628 | 414.534.352 | 96.084.747.304 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 20.650.756.997 | 18.944.701 | 1.693.009.036 | 1.829.705.020 | 163.125.000 | 24.355.540.754 |

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 473.632.991 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định tăng từ hàng tồn kho thể hiện giá trị của một phần diện tích xây dựng tòa nhà số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành với mục đích sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư cho Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng cộng VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 75.343.496.494 | 379.720.000 | 75.723.216.494 |
| Tăng từ hàng tồn kho | 21.928.202.825 | - | 21.928.202.825 |
| Giảm do chuyển nhượng tòa nhà Trương Định | (74.319.496.494) | - | (74.319.496.494) |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>22.952.202.825</u> | <u>379.720.000</u> | <u>23.331.922.825</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | - | 187.636.089 | 187.636.089 |
| Khấu hao trong kỳ | 243.646.698 | 63.286.662 | 306.933.360 |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>243.646.698</u> | <u>250.922.751</u> | <u>494.569.449</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 30/6/2013 | <u>22.708.556.127</u> | <u>128.797.249</u> | <u>22.837.353.376</u> |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>75.343.496.494</u> | <u>192.083.911</u> | <u>75.535.580.405</u> |

Nguyên giá tài sản cố định tăng từ hàng tồn kho thể hiện một phần quyền sử dụng đất của tòa nhà số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành với mục đích sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

| | 30/06/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Khu đô thị Mới Dầu Khí Vũng Tàu | 153.910.309.295 | 153.690.993.359 |
| Dự án đường vành đai 2 | - | 5.104.425.098 |
| Thì công kiến trúc văn phòng làm việc Công ty Petroland tại Phú Mỹ Hưng | 5.204.926.086 | 178.084.200 |
| | <u>159.115.235.381</u> | <u>158.973.502.657</u> |

Dự án khu đô thị mới Vũng Tàu đặt tại phường 10, 11 thành phố Vũng Tàu có tổng diện tích khoảng 69,46 ha. Tổng giá trị đầu tư dự kiến là 1.500 tỷ đồng bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tiền sử dụng đất, chi phí xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thuế, lãi vay và các chi phí khác. Chi phí phát sinh đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là chi phí liên quan đến bồi thường và giải phóng mặt bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

| | Quyền sử dụng đất VND | Nhà cửa & vật kiến trúc VND | Tổng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 44.172.371.187 | 12.752.340.252 | 56.924.711.439 |
| Tăng từ hàng tồn kho | 42.229.384.642 | 181.712.546.232 | 223.941.930.874 |
| Giảm do chuyển nhượng tòa nhà | | | |
| Trương Định | (44.172.371.187) | (12.752.340.252) | (56.924.711.439) |
| Tại ngày 30/6/2013 | 42.229.384.642 | 181.712.546.232 | 223.941.930.874 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | - | 1.489.717.965 | 1.489.717.965 |
| Trích khấu hao trong kỳ | 466.456.746 | 3.612.884.208 | 4.079.340.954 |
| Giảm do chuyển nhượng tòa nhà | | | |
| Trương Định | - | (1.489.717.965) | (1.489.717.965) |
| Tại ngày 30/6/2013 | 466.456.746 | 3.612.884.208 | 4.079.340.954 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 30/6/2013 | 41.762.927.896 | 178.099.662.024 | 219.862.589.920 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 44.172.371.187 | 11.262.622.287 | 55.434.993.474 |

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong cung cấp hàng hóa dịch vụ hoặc sử dụng cho mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ kinh doanh bình thường. Bất động sản đầu tư là tòa nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành thuộc sở hữu Công ty trong Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|---|-------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư vào công ty con (i) | 708.217.000.000 | 708.217.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 157.325.000.000 | 157.325.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long | 350.504.480.000 | 350.504.480.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang | 200.387.520.000 | 200.387.520.000 |
| Đầu tư dài hạn khác (ii) | 71.165.290.000 | 71.165.290.000 |
| Đầu tư cổ phiếu PSG | 2.971.000.000 | 2.971.000.000 |
| Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp | 36.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát | 32.194.290.000 | 32.194.290.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | (10.368.212.199) | (8.972.427.883) |
| | 769.014.077.801 | 770.409.862.117 |

(i) Đầu tư công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã góp 157.325.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 157.325.000.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ 175.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, tương đương với 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú với số tiền là 1.518.065.953 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã góp 350.504.480.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 350.504.480.000 đồng) trong tổng số vốn điều lệ đăng ký tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 319/2010/HĐ-PETROLAND ký ngày 06 tháng 8 năm 2010 và các phụ lục hợp đồng giữa Công ty và Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh (“Vũ Anh”) để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long nhằm thực hiện dự án Khu nhà ở cao tầng và công trình công cộng tại Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh thì Vũ Anh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long thực hiện dự án với thời hạn cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2012 và Vũ Anh đồng thời chịu trách nhiệm đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất cho diện tích đất mà hai bên thống nhất hợp tác đầu tư. Công ty đã thanh toán cho Vũ Anh số tiền 345 tỷ đồng và sẽ thanh toán số tiền còn lại khoảng 49 tỷ đồng khi Vũ Anh cung cấp quyết định giao đất của Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, bên Vũ Anh vẫn chưa thực hiện xong các thủ tục xin giao đất và quyết định giao đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long với số tiền là 3.313.071.430 đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4200734936 cấp ngày 02 tháng 02 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 196.150.000.000 đồng, tương đương với 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã góp 200.387.520.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 200.387.520.000 đồng).

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với số tiền là 2.833.464.816 đồng.

(ii) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vào cổ phiếu PSG phản ánh khoản đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC SG), với số tiền đầu tư tương đương 0,85% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0,85%).

Ngày 15 tháng 3 năm 2011, Công ty PVC SG đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá thị trường của khoản đầu tư này thấp hơn giá gốc nên Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này với số tiền là 2.703.610.000 đồng.

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 108.238.654.480 | 201.078.054.949 |
| <i>Baoviet Bank Hồ Chí Minh</i> | 92.238.654.480 | 98.078.054.949 |
| <i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương- Chi nhánh Kỳ Đồng</i> | - | 70.000.000.000 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú</i> | 16.000.000.000 | 33.000.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 13.435.000.000 | 74.000.000.000 |
| | 121.673.654.480 | 275.078.054.949 |

Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Baoviet Bank Hồ Chí Minh") theo Hợp đồng số 0002/2011/HDDTD1/BVB03 có thời hạn vay dưới 1 năm, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 92.238.654.480 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu (đến hạn và chưa đến hạn) thuộc sở hữu của Công ty phát sinh từ Dự án đầu tư xây dựng "Chung cư Petroland" tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2 theo Hợp đồng thế chấp số 1003668.B.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 1003668.A.11.HĐCC.HCM ngày 30 tháng 12 năm 2011 và các phụ lục, văn bản có liên quan được ký kết giữa Công ty và Baoviet Bank Hồ Chí Minh.

Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là khoản hỗ trợ vay vốn, thời hạn vay 12 tháng. Số dư nợ gốc vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 16.000.000.000 đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng nguồn thu bán căn hộ các dự án Petroland đang đầu tư.

Nợ dài hạn đến hạn trả thể hiện khoản vay dài hạn từ VietinBank Hồ Chí Minh đến hạn trả.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 47.252.098.591 | 34.735.522.106 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 68.434.880 | - |
| | 47.320.533.471 | 34.735.522.106 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí trích trước dự án Phú Mỹ Hưng | 20.343.475.200 | 37.279.876.919 |
| Chi phí trích trước dự án Petroland Quận 2 | 19.655.692.551 | 25.975.435.470 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 48.551.127.211 | 33.493.695.389 |
| Chi phí trích trước khác | 1.595.970.258 | 1.078.836.264 |
| | 90.146.265.220 | 97.827.844.042 |

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN

| | 30/6/2013 | 31/12/2012 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền đặt cọc mua căn hộ | 350.000.000 | 144.159.037.800 |
| Phải trả Công ty Cổ phần Năng Lượng VINABENNY do thanh lý hợp đồng | 12.068.877.578 | - |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 89.498.741.193 | 109.467.615.071 |
| Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú (thu hộ) | 10.850.000.327 | 10.850.000.327 |
| Ngân sách nhà nước | 3.135.408.143 | 1.820.987.636 |
| Quỹ bảo trì dự án Phú Mỹ Hưng | 3.037.206.307 | - |
| Quỹ bảo trì dự án Petroland | 5.635.670.155 | - |
| Cổ tức phải trả | 5.616.772.766 | - |
| - Trong đó: cổ tức phải trả PVC | 40.476.383.650 | 40.503.743.650 |
| Tiền phạt chậm bàn giao dự án Petroland Quận 2 | 14.405.852.000 | 14.405.852.000 |
| Phải trả khác | 12.278.698.579 | 8.838.817.282 |
| | 4.841.340.307 | 16.685.583.631 |
| | 187.789.099.005 | 332.325.785.397 |

Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản vay tạm của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Dương ("OceanBank") nhận thanh toán để chuyển nhượng 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty. Số tiền còn lại là 28.835.361.369 đồng là khoản hỗ trợ vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam cho Công ty trong thời gian không quá 3 tháng kể từ ngày khoản hỗ trợ đầu tiên được giải ngân với lãi suất hỗ trợ 13.5%/năm.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| VietinBank Hồ Chí Minh | 320.027.450.900 | 338.592.450.900 |
| Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở Thuyết minh số 14) | 13.435.000.000 | 74.000.000.000 |
| | 306.592.450.900 | 264.592.450.900 |

Các khoản vay dài hạn được chi trả theo lịch biểu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 13.435.000.000 | 74.000.000.000 |
| Trong năm thứ hai | 162.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Từ ba năm đến năm thứ năm | 144.592.450.900 | 184.592.450.900 |
| Sau năm năm | - | - |
| | 320.027.450.900 | 338.592.450.900 |
| Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn) | 13.435.000.000 | 74.000.000.000 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 306.592.450.900 | 264.592.450.900 |

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") ngày 07 tháng 01 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm Đồng Việt Nam với kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VietinBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 4 năm 2013, Công ty đã tái cơ cấu các khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay số 09.102035/HĐTD-TDH ngày 07 tháng 01 năm 2010 với ngân hàng Vietinbank Hồ Chí Minh bằng việc gia hạn thời hạn thanh toán như sau:

| Lịch thanh toán cũ | | Lịch thanh toán mới | |
|--------------------|------------------------|---------------------|------------------------|
| Ngày đáo hạn | Số tiền VND | Ngày đáo hạn | Số tiền VND |
| 08-02-13 | 15.500.000.000 | | |
| 08-05-13 | 15.500.000.000 | | |
| 08-08-13 | 15.500.000.000 | | |
| 08-11-13 | 15.500.000.000 | | |
| 08-02-14 | 20.000.000.000 | | |
| 08-05-14 | 20.000.000.000 | | |
| 08-08-14 | 20.000.000.000 | | |
| 08-11-14 | 20.000.000.000 | 05-01-14 | 20.000.000.000 |
| 08-02-15 | 20.000.000.000 | 05-01-15 | 142.000.000.000 |
| 08-05-15 | 20.000.000.000 | 08-05-15 | 20.000.000.000 |
| 08-08-15 | 20.000.000.000 | 08-08-15 | 20.000.000.000 |
| 08-11-15 | 20.000.000.000 | 08-11-15 | 20.000.000.000 |
| 08-02-16 | 20.000.000.000 | 08-02-16 | 20.000.000.000 |
| 08-05-16 | 20.000.000.000 | 08-05-16 | 20.000.000.000 |
| 08-08-16 | 20.000.000.000 | 08-08-16 | 20.000.000.000 |
| 08-11-16 | 20.000.000.000 | 08-11-16 | 20.000.000.000 |
| 03-02-17 | 24.592.450.900 | 03-02-17 | 24.592.450.900 |
| | 326.592.450.900 | | 326.592.450.900 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Cổ phiếu:

Số lượng cổ phần Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 100.000.000 cổ phần. Toàn bộ số cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

| | <u>30/06/2013</u> | <u>31/12/2012</u> |
|---|--------------------|--------------------|
| - Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng | 100.000.000 | 100.000.000 |
| + <i>Cổ phần phổ thông</i> | <i>100.000.000</i> | <i>100.000.000</i> |
| - Số lượng cổ phần được mua lại | 1.134.920 | 1.134.920 |
| + <i>Cổ phần phổ thông</i> | <i>1.134.920</i> | <i>1.134.920</i> |
| - Số lượng cổ phần đang lưu hành | 98.865.080 | 98.865.080 |
| + <i>Cổ phần phổ thông</i> | <i>98.865.080</i> | <i>98.865.080</i> |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông sáng lập của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

| Tên cổ đông | Theo chứng nhận đăng kí kinh doanh | | Vốn đã góp tại | |
|--|---------------------------------------|-------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | % | 30/6/2013 VND | 31/12/2012 VND |
| Tổng Công Ty Cổ Phần Xây Lắp Dầu Khí Việt Nam | 284.484.000.000 | 28,45 | 360.146.300.000 | 360.146.300.000 |
| Tổng Công Ty Tài Chính Cổ Phần Dầu Khí Việt Nam | 100.000.000.000 | 10,00 | 108.000.000 | 59.516.000.000 |
| Tổng Công Ty Dầu Việt Nam | 90.000.000.000 | 9,00 | 90.000.000.000 | 90.000.000.000 |
| Công ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh | 85.000.000.000 | 8,50 | 85.000.000.000 | 85.000.000.000 |
| Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam | 80.000.000.000 | 8,00 | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| Tổng Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Công Đoàn Dầu Khí | 5.516.000.000 | 0,55 | 4.724.000.000 | 4.836.000.000 |
| Các đối tượng khác | 355.000.000.000 | | 380.021.700.000 | 320.501.700.000 |
| | <u>1.000.000.000.000</u> | | <u>1.000.000.000.000</u> | <u>1.000.000.000.000</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÓ THỊ DẦU KHÍ

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU B 09-DN****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

| | Vốn điều lệ VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ Đầu tư phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối VND | Cộng VND |
|------------------------------------|--------------------------|------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--|--------------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2012 | 1.000.000.000.000 | (7.866.485.920) | 10.729.462.313 | 10.729.462.313 | 11.977.528.142 | 1.025.569.966.848 |
| Nhận vốn góp | - | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 512.707.053 | 512.707.053 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 1.000.000.000 | - | (1.000.000.000) | - |
| Trích quỹ dự phòng tài chính | - | - | - | 1.000.000.000 | (1.000.000.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (2.317.631.898) | (2.317.631.898) |
| Số dư tại ngày 31/12/2012 | 1.000.000.000.000 | (7.866.485.920) | 11.729.462.313 | 11.729.462.313 | 8.172.603.297 | 1.023.765.042.003 |
| Lỗ trong kỳ | - | - | - | - | (43.439.375.420) | (43.439.375.420) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (306.117.377) | (306.117.377) |
| Số dư tại ngày 30/6/2013 | 1.000.000.000.000 | (7.866.485.920) | 11.729.462.313 | 11.729.462.313 | (35.572.889.500) | 980.019.549.206 |

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 630/NQ- Petroland ngày 25 tháng 4 năm 2013, Công ty đã trích quỹ phúc lợi với số tiền là 306.117.377 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND |
|---|---|---|
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 454.806.745.628 | 192.649.197.007 |
| Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản | 437.809.694.525 | 180.946.626.848 |
| - Dự án TT Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng | 36.337.673.384 | 136.119.674.536 |
| - Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7 | - | 44.826.952.312 |
| - Dự án chung cư Quận 2 | 271.472.021.141 | - |
| - Chuyển nhượng tòa nhà Trương Định | 130.000.000.000 | - |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 16.997.051.103 | 11.702.570.159 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 15.590.815.874 | 43.039.665.660 |
| Chiết khấu bán hàng | 14.398.714.334 | 1.089.732.765 |
| Hàng bán bị trả lại | 1.192.101.540 | 41.949.932.895 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 439.215.929.754 | 149.609.531.347 |

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND |
|--|---|---|
| Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản | 395.026.073.929 | 137.853.788.358 |
| - Dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Phú Mỹ Hưng | 25.446.033.111 | 97.171.515.371 |
| - Dự án chung cư Mỹ Phú Quận 7 | - | 40.682.272.987 |
| - Dự án chung cư Quận 2 | 220.056.419.940 | - |
| - Chuyển nhượng tòa nhà Trương Định | 149.523.620.878 | - |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 17.936.219.844 | 11.245.085.280 |
| | 412.962.293.773 | 149.098.873.638 |

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND |
|----------------------------|---|---|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3.686.135.006 | 2.157.173.058 |
| | 3.686.135.006 | 2.157.173.058 |

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND |
|----------------------------------|---|---|
| Chi phí lãi vay | 40.152.147.659 | 12.761.428.375 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 1.395.784.316 | (471.385.246) |
| Chi phí tài chính khác | - | 3.376.383.991 |
| | 41.547.931.975 | 15.666.427.120 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. (LỖ)/LỢI NHUẬN KHÁC**

| | Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND |
|---|---|---|
| Thu từ chi hộ tiền điện nước cho bên thuê | 2.369.683.363 | 1.645.627.590 |
| Thu nhập từ phạt chậm thanh toán | 358.026.798 | 7.926.016.825 |
| Thu nhập khác | 689.815.203 | 172.636.910 |
| Chi hộ tiền điện nước cho bên thuê | (2.382.346.891) | (1.645.627.590) |
| Phạt chậm bàn giao căn hộ | (10.640.298.522) | - |
| Phạt thuế giá trị gia tăng | (3.037.206.307) | - |
| Chi phí khác | (6.825.392.536) | (361.286) |
| (Lỗ)/lợi nhuận khác | (19.467.718.892) | 8.098.292.449 |

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 VND | Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 VND |
|---|---|---|
| Lỗ trước thuế | (43.439.375.420) | (18.874.871.585) |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 3.373.931.307 | 759.880.165 |
| Lỗ tính thuế | (40.065.444.113) | (18.114.991.420) |
| Thuế suất áp dụng | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên doanh thu trừ chi phí. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ được xác định và quyết toán lại khi bàn giao bất động sản theo hướng dẫn Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng khoản thuế đã trình bày trong báo cáo tài chính chưa phải là số liệu cuối cùng và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các qui định bị ảnh hưởng bởi các cách diễn đạt khác nhau, số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính sẽ thay đổi dựa trên quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 40.065.444.113 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng) sẽ bù trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch đáng kể giữa cơ sở kế toán của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản liên quan đến dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng và dự án Chung cư Petroland Quận 2 đều đã được thực hiện. Công ty không còn các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

| | 30/6/2013 | 31/12/2012 |
|--|-----------|------------------------|
| | VND | VND |
| Dự án “Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng” | - | 95.868.027.203 |
| Dự án “Chung cư Petroland Quận 2” | - | 36.695.342.967 |
| | - | 132.563.370.170 |

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới các hợp đồng đầu tư dài hạn khác đang thực hiện, chưa hoàn thành. Chi tiết số vốn đã cam kết và sẽ thanh toán trong tương lai như sau:

| | 30/6/2013 | 31/12/2012 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Góp vốn hợp tác đầu tư - Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp | 12.825.000.000 | 12.825.000.000 |
| - Trên 3 năm đến 5 năm | 12.825.000.000 | 12.825.000.000 |
| Góp vốn hợp tác đầu tư - Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát | 17.700.090.000 | 17.700.090.000 |
| - Trên 1 năm đến 3 năm | 17.700.090.000 | 17.700.090.000 |
| | 30.525.090.000 | 30.525.090.000 |

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và (lỗ)/(lợi nhuận) chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Đòn bẩy tài chính

| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
|---|-----------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Các khoản vay | 428.266.105.380 | 539.670.505.849 |
| Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.366.760.429 | 189.237.578.866 |
| Nợ thuần | 370.899.344.951 | 350.432.926.983 |
| Vốn chủ sở hữu | 980.019.549.206 | 1.023.765.042.003 |
| Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu | 38% | 34% |

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính và được trình bày tại Thuyết minh số 4.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|
| | 30/06/2013 | 31/12/2012 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.366.760.429 | 189.237.578.866 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 417.662.670.304 | 336.187.727.445 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 454.200.000 | 450.000.000 |
| Tổng cộng | 475.483.630.733 | 525.875.306.311 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay và nợ | 428.266.105.380 | 539.670.505.849 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 204.478.810.758 | 365.323.317.794 |
| Chi phí phải trả | 90.146.265.220 | 97.827.844.042 |
| Tổng cộng | 722.891.181.358 | 1.002.821.667.685 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ ảnh hưởng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

| | <u>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</u> | <u>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</u> |
|--|---------------------------------------|---|
| | | VND |
| Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013 | | |
| VND | +200 | (8.565.322.108) |
| VND | -200 | 8.565.322.108 |
| Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012 | | |
| VND | +200 | (9.555.122.147) |
| VND | -200 | 9.555.122.147 |

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào các đơn vị khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con cũng như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác vì tiền được nhận trước dựa trên thời hạn thanh toán trên hợp đồng bán hàng. Các khoản phải thu tại ngày kết thúc niên độ kế toán đáo hạn từ khách hàng và sẽ được thanh toán khi Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hoàn thành giấy chứng nhận sở hữu.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

09
TY
N
TÀI
H
H
H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

| | <u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Tổng</u> <u>VND</u> |
|--------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 30/6/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.366.760.429 | - | 57.366.760.429 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 270.087.060.752 | 147.575.609.552 | 417.662.670.304 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 330.000.000 | 124.200.000 | 454.200.000 |
| Tổng cộng | <u>327.783.821.181</u> | <u>147.699.809.552</u> | <u>475.483.630.733</u> |
| 30/6/2013 | | | |
| Các khoản vay | 121.673.654.480 | 306.592.450.900 | 428.266.105.380 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 202.276.067.881 | 2.202.742.877 | 204.478.810.758 |
| Chi phí phải trả | 90.146.265.220 | - | 90.146.265.220 |
| Tổng cộng | <u>414.095.987.581</u> | <u>308.795.193.777</u> | <u>722.891.181.358</u> |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | <u>(86.312.166.400)</u> | <u>(161.095.384.225)</u> | <u>(247.407.550.625)</u> |
| | <u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u> | <u>Tổng</u> <u>VND</u> |
| 31/12/2012 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 189.237.578.866 | - | 189.237.578.866 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 336.187.727.445 | - | 336.187.727.445 |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 330.000.000 | 120.000.000 | 450.000.000 |
| Tổng cộng | <u>525.755.306.311</u> | <u>120.000.000</u> | <u>525.875.306.311</u> |
| 31/12/2012 | | | |
| Các khoản vay | 275.078.054.949 | 264.592.450.900 | 539.670.505.849 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 362.488.039.119 | 2.835.278.675 | 365.323.317.794 |
| Chi phí phải trả | 97.827.844.042 | - | 97.827.844.042 |
| Tổng cộng | <u>735.393.938.110</u> | <u>267.427.729.575</u> | <u>1.002.821.667.685</u> |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | <u>(209.638.631.799)</u> | <u>(267.307.729.575)</u> | <u>(476.946.361.374)</u> |

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Trong năm Công ty đã tái cơ cấu các khoản vay dài hạn với các ngân hàng bằng việc gia hạn thời hạn thanh toán cho khoản vay gốc và chi phí lãi vay theo Thuyết minh số 18. Điều này cho phép Công ty đáp ứng các khoản nợ cũng như thanh toán các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động mà không giảm bớt các hoạt động đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND | Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND |
|---|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Mua sàn văn phòng dự án Phú Mỹ Hưng | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | - | 39.200.000.000 |
| Chi phí lãi vay | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 4.599.542.187 | 4.725.428.586 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 104.933.333 | - |
| Thu hộ tiền bán căn hộ Mỹ Phú | | |
| Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | - | 29.720.957.500 |
| Vay ngắn hạn | | |
| Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | - | 28.000.000.000 |
| Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc | 797.805.002 | 1.705.741.169 |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

| | 30/6/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|---|------------------|-------------------|
| Các khoản phải thu | | |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam | 4.991.026.528 | 4.991.026.528 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 3.383.563.485 | 3.383.563.485 |
| Các khoản phải thu khác | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long | 6.025.000.000 | 400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 200.253.493 | 133.502.329 |
| Các khoản trả trước người bán | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 4.632.324.167 | 4.632.324.167 |
| Các khoản phải trả khác | | |
| Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 103.904.593.193 | 123.873.467.071 |
| Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 3.135.408.143 | 1.820.987.636 |
| Lãi vay phải trả | | |
| Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 26.052.137.499 | 21.452.595.312 |
| Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 667.133.333 | 562.200.000 |
| Vay ngắn hạn | | |
| Công ty cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú | 16.000.000.000 | 33.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

12 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

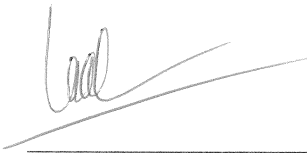
29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt soát xét.



Người lập biểu
Phạm Thúy Nga



Kế toán trưởng
Vũ Thị Kim Ngân



Giám đốc
Bùi Minh Chính

Ngày 29 tháng 8 năm 2013

